

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4824/STC-TCHCSN

Quảng Trị, ngày 17 tháng 12 năm 2021

V/v báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và báo cáo theo yêu cầu của Đoàn giám sát của Quốc hội

Kính gửi: - Các Sở ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;  
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;  
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;  
- Các Doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh.

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của tỉnh Quảng Trị;

Thực hiện Công văn số 13993/BTC-TTr ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính và Công văn số 6061/UBND-TM ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và báo cáo theo yêu cầu của Đoàn Giám sát của Quốc hội;

Để công tác tổng hợp báo cáo kết quả tình hình tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là THTK, CLP) năm 2021 và báo cáo về thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV (*Đề cương và biểu mẫu báo cáo nội dung này Sở Tài chính đã gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Công văn số 3903/STC-TCHCSN ngày 22/10/2021*) toàn tỉnh đúng yêu cầu, đạt chất lượng; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm tổng hợp, báo cáo theo đề cương và biểu mẫu gửi kèm.

### **I. Về báo cáo kết quả THTK, CLP năm 2021:**

1. Các Sở, ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, các Sở chủ quản và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tổng hợp số liệu của cơ quan, đơn vị, địa



phương và cả số liệu của các đơn vị trực thuộc (chi tiết theo từng đơn vị sự nghiệp, xã, phường, thị trấn theo các chỉ tiêu tại các **Mẫu số 02 và 03**).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo đánh giá tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công của địa phương; báo cáo kết quả THTK, CLP trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB của tỉnh.

3. Sở Xây dựng: Báo cáo, đánh giá về THTK, CLP trong hoạt động thẩm định đầu tư xây dựng.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Báo cáo, đánh giá về THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên.

5. Sở Nội vụ: Báo cáo triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế, báo cáo công tác THTK, CLP trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

6. Sở Công thương: Báo cáo, đánh giá về THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Báo cáo, đánh giá về THTK, CLP trong công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức lễ hội ở địa phương.

8. Thanh tra tỉnh: Báo cáo tình hình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về THTK, CLP.

9. Các Doanh nghiệp nhà nước: Báo cáo, đánh giá về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

## **II. Về tổng hợp đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2021 theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính:**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên năm 2021 của cơ quan, đơn vị, địa phương và của các đơn vị trực thuộc theo các phụ lục theo quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính, **đồng thời gửi về Sở Tài chính** để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

1. Các Sở, ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình theo **Phụ lục số 01-A; Phụ lục 02 và Phụ lục 08**;

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo **Phụ lục số 01-B** và gửi cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp để tổng hợp để tính điểm tiêu chí “Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp” của cơ quan, đơn vị chủ quản cấp trên;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo **Phụ lục số 04** và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, tính điểm tiêu chí “Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã” của Ủy ban nhân dân cấp huyện;



4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo **Phụ lục số 05 và Phụ lục 08**.

Để hoàn chỉnh báo cáo đúng tiến độ, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo kết quả về Sở Tài chính **trước ngày 07/01/2022**, đồng thời gửi bản mềm vào địa chỉ thư điện tử: [trandieuhuong@quangtri.gov.vn](mailto:trandieuhuong@quangtri.gov.vn). Quá thời hạn trên các cơ quan, đơn vị, địa phương không có báo cáo, Sở Tài chính sẽ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm phối hợp thực hiện./.

*(Đề cương báo cáo, biểu mẫu được đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại mục Văn bản/Đề cương biểu mẫu báo cáo THPT, CLP 2021)./.*

**Nơi nhận:**


- Như trên;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Phòng TCKH các huyện, TP, TX;
- Giám đốc, PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS, TCĐT, TCHCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Thị Hải Hà**



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2021**  
(Kèm theo Công văn số 484/STC-TCHCSN ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài chính)

Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở các nội dung hướng dẫn tại Đề cương này xây dựng báo cáo tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 (sau đây viết tắt là “THTK, CLP”) của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng yêu cầu, quy định của Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.

Báo cáo năm về THTK, CLP của cơ quan, đơn vị, địa phương gồm các nội dung chính như sau:

**I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành THTK, CLP:**

1. Báo cáo về xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình THTK, CLP năm 2021 của cơ quan, đơn vị, địa phương; nêu rõ các chỉ tiêu, mục tiêu và tiêu chí đánh giá tiết kiệm đã đề ra trong chương trình THTK, CLP; các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra và tình hình, kết quả triển khai thực hiện các biện pháp này theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo (bao gồm các biện pháp đã triển khai thực hiện từ trước kỳ báo cáo đến kỳ báo cáo vẫn phát huy tác dụng và có kết quả cụ thể).

Các Sở, cơ quan chuyên môn của tỉnh có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo việc THTK, CLP trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh; đánh giá về thành tích, mặt tích cực hiệu quả và những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định pháp luật về THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở, ngành, địa phương: Báo cáo đánh giá cụ thể về những công việc đã và đang thực hiện trong kỳ, kết quả đạt được theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo.

3. Báo cáo công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP; cụ thể:

a. Các Sở, ban ngành, các địa phương báo cáo tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra về các nội dung, lĩnh vực được quy định tại Điều 10 và các quy định tại Chương 2, Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13; tình hình, kết quả xử lý vi phạm, lãng phí phát



hiện qua thanh tra, kiểm tra tính đến cuối kỳ báo cáo. Đánh giá về tình hình phát hiện và xử lý lãng phí thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của Sở, ban ngành, địa phương trong kỳ báo cáo (so sánh với kỳ trước, năm trước); báo cáo về các trường hợp, vụ việc xảy ra lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở, ban ngành, địa phương và tình hình, kết quả xử lý đến cuối kỳ báo cáo.

b) Thanh tra tình báo cáo kết quả công tác thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm, lãng phí phát hiện qua thanh tra trên phạm vi toàn tỉnh.

## **II. Tình hình, kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực quản lý của Sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố:**

### **1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:**

Các Sở, ban ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý, lĩnh vực hoạt động, sản xuất, kinh doanh và các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá THTK, CLP đã đề ra trong chương trình, kế hoạch THTK, CLP để tổng hợp, báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả THTK, CLP của Sở, ban ngành, địa phương trong kỳ báo cáo (có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chương trình THTK, CLP và tình hình, kết quả của kỳ trước, năm trước trong từng lĩnh vực, nội dung quy định tại Luật THTK, CLP). Đánh giá những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến kết quả THTKCLP tại đơn vị.

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) thuộc phạm vi, trách nhiệm của Sở, ban ngành, địa phương; trong đó tập trung vào các nội dung chính sau:

- Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo;
- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế;
- Thành lập, quản lý sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;
- THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài



nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm.

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan thuộc quyền quản lý của Sở, ban ngành, địa phương:

- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại;

- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc;

- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc;

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng;

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng.

đ) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất;

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước;

- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản;

- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng;

- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác.

e) THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan, tổ chức khác.



- g) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại DN:
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
  - THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;
  - THPTK, CLP tại doanh nghiệp nhà nước.
- h) THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của nhân dân:
- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân;
  - THPTK, CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng.
2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:
- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện;
  - Số vụ việc đã được xử lý;
  - Số người vi phạm và hình thức xử lý.
3. Phân tích, đánh giá:
- a) Đánh giá kết quả đạt được:
- Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội;
  - So sánh, đối chiếu giữa kết quả đạt được với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đã đề ra trong chương trình THPTK, CLP của năm 2021.
- b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;
- c) Những kinh nghiệm rút ra.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai trong năm 2021**

1. Phương hướng, nhiệm vụ
2. Các giải pháp

### **IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THPTK, CLP
3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THPTK, CLP
4. Các kiến nghị khác (nếu có).

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2021**

(Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
3.4	Số tiền đã thu hồi nộp vào ngân sách	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm và sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	<b>Các nội dung khác</b>							
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	<b>Các nội dung khác</b>							
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lit)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con	chiếc						
	Số lượng xe đầu kỳ							
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2021	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2020	So sánh với kế hoạch 2021	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	CQ/tổ chức/ĐV						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	CQ/tổ chức/ĐV						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Mẫu số 03**

(Mẫu biểu báo cáo kết quả xử lý hành vi lãng phí của các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố)

Tên cơ quan lập báo cáo

**KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LÃNG PHÍ**

(Số liệu tính từ ngày .../.../... đến ... ngày .../.../...)

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo			Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý								Chưa xử lý			Ghi chú	
	Tổng số	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự			Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý		Nguyên nhân
		Thông tin phát hiện lãng phí nhận được	Vụ việc lãng phí		Số người phải bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình sự	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố				
		1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11				
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	

Lưu ý: Cột “Đơn vị” để các Sở, ngành, địa phương thống kê kết quả của các đơn vị trực thuộc

..... ngày tháng năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (ký tên, đóng dấu)



**PHỤ LỤC SỐ 01-A**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>	<b>70</b>	
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	
3	Chi sử dụng điện	6	
4	Chi xăng, dầu	6	
5	Chi sử dụng nước	6	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	



3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	



**PHỤ LỤC SỐ 01-B**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	
3	Chi sử dụng điện	6	
4	Chi xăng, dầu	6	
5	Chi sử dụng nước	6	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15	
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	



2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	



**PHỤ LỤC SỐ 02****BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH - TRỪ BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP NĂM 2021***(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
<b>A</b>	<b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
<b>B.</b>	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b>	<b>50</b>	
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50	
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	45	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35	
<b>C</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>20</b>	
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	



**PHỤ LỤC SỐ 04****BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021***(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
<b>A</b>	<b>Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên</b>	<b>60</b>	
1	Chi sách, báo, tạp chí	8	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	8	
3	Chi sử dụng điện	8	
4	Chi xăng, dầu	8	
5	Chi sử dụng nước	8	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	8	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	8	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	4	
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>40</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	15	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	40	
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		
1	Có khoản chi bị Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	



**PHỤ LỤC SỐ 05****BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2021***(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
<b>A.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
<b>B.</b>	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã</b>	<b>50</b>	
<b>I</b>	<b>Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã</b>	<b>40</b>	
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40	
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10	
<b>II</b>	<b>Kết quả thực hiện giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>10</b>	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
<b>C.</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>20</b>	
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	
1.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	
1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8	
2	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	
2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	



**PHỤ LỤC SỐ 08**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**  
(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày /12/2021 của Sở Tài chính Quảng Trị)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu báo cáo năm 2021
<b>A</b>	<b>Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên</b>		
<b>I</b>	<b>Số kinh phí tiết kiệm chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài</b>	<b>Triệu đồng</b>	
1	Dự toán giao 2021		
2	Kinh phí tiết kiệm được		
<b>II</b>	<b>Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>Triệu đồng</b>	
1	Dự toán giao 2021		
2	Kinh phí tiết kiệm được		
<b>III</b>	<b>Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao</b>	<b>Người</b>	
1	Kế hoạch		
2	Thực hiện		
<b>B</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>		
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>Văn bản</b>	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		
-	Kế hoạch		
-	Thực hiện		
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		
-	Kế hoạch		
-	Thực hiện		
<b>II</b>	<b>Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc</b>	<b>Cuộc</b>	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra		
-	Kế hoạch		
-	Thực hiện		
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.		
-	Kế hoạch		
-	Thực hiện		